

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỞ CHÚ

QUYỂN 5

(Phần 1)

Nghi mở và gút đồng thể

1. A-nan bày thỉnh, có hai:

2. Thuật rồi vẫn còn mê:

A-nan bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn: Như-lai tuy đã nói nghĩa môn thứ hai, nhưng nay con quán xét người trong thế gian mở hay thất gút. Nếu không biết đầu tiên buộc gút ở chỗ nào thì con tin rằng người ấy không bao giờ được. Ở trước nghi nhân quả có đồng và khác, nay nghi căn trần có gút có mở, cho nên nói nghĩa môn thứ hai. Nhưng nguyên nhân căn khởi lên trước kia tuy đã chỉ bày rộng, mà chẳng chỉ chỗ nào là gút, là mở gút, giải thích vẫn chưa rõ ràng, hy vọng được trình bày rõ mới biết được, cho nên dẫn ví dụ mà Phật đã nêu ở văn trước để so sánh với sự mê mờ của mình. Bạch Đức Thế tôn: Con và các Thanh Văn Hữu học ở trong hội cũng như vậy. Từ vô thủy cùng diệt cùng sinh với các vô minh, tuy được gốc lành học rộng như thế gọi là Xuất gia, nhưng giống như người rớt cách ngày.

Các vô minh: Là toàn bộ vô minh trong thế giới, nhiếp chung tất cả hai chương kiến hoặc và tư hoặc, nên gọi là từ vô thủy tự mê chân tánh, chạy theo sự sinh diệt của loài hữu tình không lìa bỏ. Nên văn trên chép: Hòa hợp vọng sinh, hòa hợp vọng tử, nên nói cùng diệt cùng sinh. Sơ quả của người Hữu học tuy chưa dứt trừ tư hoặc, đã gọi là phá tất cả chương phiền não, chứng được Nhân không, mà hoàn toàn chưa phá sở tri chương, pháp chấp vẫn còn. Cho nên nói giống như người rớt cách ngày.

Thỉnh Phật chỉ bày về thất gút và mở gút:

Cúi mong Đức Thế tôn từ bi thương xót chúng sinh đang bị chìm đắm trong bể khổ, chỉ bày thế nào là gút của thân tâm hiện nay, muốn mở phải bắt đầu từ đâu? Cũng làm cho chúng sinh khổ não ở đời vị lai được thoát khỏi luân hồi không rơi vào ba cõi. Nói lời ấy rồi, cùng với

đại chúng năm vóc gieo sát đất cung kính rơi lệ, mong lời chỉ bày vô thượng của Như-lai. Sinh tử từ vô thủy không thể thoát khỏi, do bị trói buộc. Nay đợi giải trừ không ngăn ngại không trói buộc, chẳng vì khăn cầu thì không do đâu khai hiểu được, cho nên rơi lệ xin chỉ bày.

Đức Phật giảng rộng, có năm:

1. Đức Thế tôn xoa đầu:

Bấy giờ, Đức Thế tôn thương xót Ngài A-nan và các vị Hữu học trong hội, cũng vì tất cả chúng sinh ở vị lai, làm nhân xuất thế gian, làm mắt cho tương lai. Ngài phát ra ánh sáng tỏa khắp cõi Diêm-phu-đề, tay xoa đầu A-nan.

Đảnh là gọi chung các căn, tuy là yếu chỉ mở và thắt gút, ma là kích động, sẽ có thời hạn mở, vỡ về và an ủi làm cho họ biết được ý chỉ sâu xa.

2. Chư Phật phát ra ánh sáng:

Khi ấy, các thế giới Phật ở mười phương rung chuyển ánh sáng, các Đức Như-lai nhiều như cát bụi ở trong các cõi ấy, mỗi Đức Như-lai từ đỉnh đầu đều phát ra ánh sáng. Ánh sáng ấy đồng thời ở cõi kia chiếu đến rừng Kỳ-hoàn, rồi rớt vào đảnh Như-lai, cả đại chúng này đều được pháp chưa từng có. Vô minh trụ địa thành sáu căn, rung động là bất an, do đây mà mở gút. Chư Phật phát ra ánh sáng rớt vào đỉnh đầu mỗi Đức Phật, để biểu thị một hay nhiều đều vô ngại, mình và người bình đẳng.

Văn dưới Chư Phật nêu rõ, ở đây Đức Phật giải thích thành, cùng nói cùng chứng, không có con đường nào khác.

Hỏi: Kinh này từ trước đến nay, bốn lần phát ra ánh sáng nhưng chỉ có văn này Chư Phật cùng phát ra, nhưng lại đồng nói, ở đây có gì khác nhau?

Đáp: Trước là nói giáo pháp tà; kế là nói các vọng để hiển bày lý, kế nữa là định kiến để sinh trí. Nay là nhập quán thành hạnh. Trước ba lần y theo giáo pháp giải, chưa thể dứt được chướng. Văn này quán thành pháp hoặc, chánh động vô minh nhập vào lý pháp giới, cho nên Chư Phật phát ra ánh sáng, đồng chỉ bày ngọn nguồn của thể buộc, mở không hai. Nên biết, nói giáo pháp tà, bày chân rõ vọng, lập tín thành giải, đều là việc thành hạnh thủ chứng. Ngày nay, chẳng phải việc như vậy, cho nên khác với văn trước.

3. Đồng nói về các căn bị ràng buộc.

Bấy giờ, Ngài A-nan và các đại chúng đều nghe các Đức Như-lai nhiều như cát bụi ở khắp mười phương, miệng đồng thanh bảo A-nan rằng:

Lành thay! A-nan! Ông muốn biết câu sinh vô minh là gốc ràng buộc làm cho ông trôi lăn trong sinh tử luân hồi phải chăng? Đó chính là do sáu căn của ông, chứ chẳng phải vật nào khác. Ông lại muốn biết Vô Thượng Bồ-đề làm cho ông mau chứng được an vui giải thoát, vắng lặng thường trụ phải chăng? cũng chính là sáu căn của ông, chứ chẳng phải vật nào khác. Giác minh đầu tiên khởi lên năng sở vọng sinh, tánh vắng lặng đã chia sáu căn thành khác, căn trần gặp nhau nghiệp tánh liền sinh, trôi lăn không cùng, sinh tử buộc ràng mãi. Sáu căn này là cội gốc trói buộc trong sinh tử, một niệm, vô niệm năng sở đều mất, căn trần thức tâm ngay đó tiêu tan, không có chân thật, không có vọng để dứt, tánh giác tròn sáng mất pháp thanh tịnh.

Sáu căn này là nguồn gốc của tự tại, giải thoát, an vui diệu thường, giống như băng do hơi nước bốc lên, tướng trạng tuy thay đổi có khác nhau, nhưng tính chất ướt là giống nhau, cột mở cùng một chiếc khăn cũng như vậy.

4. A-nan lại thưa thỉnh:

A-nan tuy nghe pháp âm như thế, Tâm vẫn chưa rõ, liền cúi đầu bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cái gì làm cho con bị sinh tử luân hồi, hoặc được an vui, diệu thường, đều là do sáu căn, chẳng phải vật gì khác?

Căn bản nhiễm tịnh chỉ có sáu căn này, không còn pháp nào khác.

Ở đây khởi lên cái thấy sinh tử luân hồi, ở đây quên tình được Niết-bàn thường lạc, chấp pháp chưa bỏ, ai thấu rõ được, cho nên thưa hỏi mong được chỉ dạy.

5. Đức Phật giải thích chung, có hai:

a) Văn xuôi, có hai:

a.1) Nêu chung:

Phật bảo A-nan: căn trần đồng nguồn, buộc và mở không hai, tánh thức luống dối như hoa đốm trong hư không, căn, cảnh, thức không có tự thể riêng, chỉ có một chân giác, cho nên nói đồng nguồn.

Chấp vào cái thấy không mất, vọng sinh chấp chặt, gương chia ra nhiễm tịnh, buộc vào thân tâm, từ đầu đến cuối từng niệm sinh diệt, nên gọi là buộc. Rõ tướng vô tướng, phân biệt chẳng sinh, năng sở vắng lặng, niệm tướng vắng lặng, một pháp chẳng chấp, thể của nhất chân hiển hiện, tâm và hư không, chẳng có khác nhau, nên gọi là mở.

Tánh thức luống dối như hoa đốm trong hư không: Nghĩa là cùng với căn trần ở trên nương nhau như bóng theo hình.

Nói căn trần ở trên: Nghĩa là bóng của tánh thức này. Nay nói tánh thức tức là nói bóng căn trần ở trước, cho nên ba pháp đồng nguồn, cũng đồng với luống đối, nên văn trước nói: Cái thấy và duyên thấy đều là tướng tướng, như hoa đốm trong hư không, đây là tánh thức luống đối.

Lại nói: Cái thấy này và duyên vốn là thể sáng suốt của Bồ-đề Diệu tịnh, tức là căn trần đồng nguồn này.

a.2) Giải thích cả hai, có hai:

a.2.1) Nói chung về vô tánh:

A-nan, do trần phát trí, vì căn có tướng, tướng và cái thấy không có tự tánh, đồng như bó lau. Do trần thành căn, đối căn có tướng mà lập căn cảnh, vọng thức sinh khởi. Vọng thức có công năng biến hiện ra hai pháp căn và cảnh, cho nên căn, cảnh và thức nương gá nhau, mỗi thể là không, từng thứ thành lập nên giống như bó lau.

a.2.2) Nói riêng về buộc mở:

Cho nên nay ông tri kiến mà chấp thấy biết, tức là gốc vô minh, đối với tri kiến mà không chấp tri kiến, ấy là Niết-bàn vô lậu chân tịnh, làm sao trong đó có thể dung chứa vật khác.

Do A-nan hỏi lại: Cái gì làm cho con sinh tử luân hồi hay an vui, diệu thường, đều là do sáu căn, chẳng phải vật khác, nên Đức Phật trước chỉ bày ba pháp: căn, cảnh, thức chỉ có một luống đối (892) đồng một nguồn tánh. Mê là ràng buộc, biết là giải thoát, thật chẳng phải cái gì khác. Do đó chỉ bày riêng câu trả lời về kết, giúp cho không còn nghi, nhờ giải thành quán, quả mâu sẽ chứng được.

Nói tri kiến là: Lược nêu ra hai căn trong sáu căn.

Lập tri là: lược bỏ chữ kiến, giải thích ở văn kế. Ý cho rằng như trong ba việc của sáu căn, chẳng rõ được tự tánh vô lập mà thật có khởi chấp biến kế. Hoặc nghiệp do sinh, tự chịu lấy luân hồi, rơi vào các cõi. Đây chính là sáu căn, là gốc của vô minh sinh tử trói buộc. Nếu đối với thể chân đạt này, mà vọng chấp là bất sinh, vọng thấy biết giác vắng lặng. Chỉ có một tịnh bảo giác viên thành, thì sáu căn ấy là Bồ-đề Niết-bàn, vốn là thể tánh thanh tịnh, lại muốn vật gì nói là nhân khác, cho nên Kinh Bát-nhã nói: Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức là thấy được Như-lai.

Ở trên nói: Cái thấy này và duyên vốn là thể bồ đề thanh tịnh mâu nhiệm, ở đây bác bỏ ngay pháp chấp vô minh, thành tựu quán môn viên thông.

b) Kệ tụng, có hai:

b.1) Nêu lên:

Bấy giờ, Đức Thế tôn muốn nói lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng:
Nói rộng kệ tụng, đều có bốn thứ.

1. A-Nậu Tốt-đổ-Bà tụng, bất luận văn xuôi và kệ, chỉ đếm đủ ba mươi hai chữ thì thành một bài kệ.

2. Già-đà, Hán dịch là phúng tụng hoặc Trực tụng, nghĩa là dùng bài kệ nói pháp, chẳng bài tụng văn xuôi.

3. Kì-dạ, Hán dịch Ứng Tụng.

4. Uẩn-đa-nam, Hán dịch là Tập Thí Tụng.

Nghĩa dùng ít lời mà nhiếp nhiều nghĩa, vì cúng dường người khác tụng trì, vì sao kinh đặt nhiều bài tụng, lược có tám nghĩa.

1. Vì ít chữ mà nhiếp nhiều nghĩa.

2. Vì khen ngợi nên thường dùng kệ tụng.

3. Nói lại cho người độn căn nghe.

4. Vì người gọc sau này.

5. Tùy theo ý ưa thích.

6. Vì dễ thọ trì.

7. Vì làm sáng tỏ thêm lời nói trước.

8. Vì văn xuôi chưa rõ.

Nay trong kinh này, bốn thứ trước được xếp vào loại thứ hai, thứ ba, trong tám ý chính thì chỉ có ý thứ ba và ý thứ bảy, gồm thứ hai, năm, tám, nhưng nhìn lại bài tụng văn xuôi nêu ra có năm cặp. Nghĩa là có không, nói đủ nói lược, ly và hợp, trước và sau, ẩn hoặc hiển, dẫn đến văn rất rõ ràng dễ hiểu. Bài tụng văn xuôi, Ứng Tụng, Phúng tụng này lẫn lộn nhau, nối nhau khởi lên, lại xoay vần sinh ra. Đại ý là bác bỏ vô minh pháp chấp, làm cho quán môn rõ ràng, tu hành thanh tịnh chứng nhập nhất chân pháp giới.

Chính là tụng, có sáu:

Hai câu tụng đầu nêu ra tông phá chấp, có hai:

- *Tỷ lượng chánh bác bỏ:*

Chân tánh hữu vi không

Duyên sinh nên như huyễn

Vô vi chẳng sinh diệt

Không thật như hoa đốm.

Văn này chính là bác bỏ vô minh pháp chấp, chấp vô vi có thật thể, đều mê lầm chân tánh, pháp giới nhất chân vốn chẳng phải đối đãi, cho nên trong đó phá cả hai, tức là nguyên nhân của mở gút.

Bốn câu trong đây, hai câu trước là bác bỏ hữu vi, hai câu sau là bác bỏ vô vi. Cả hai trước sau này không lập mới hiển rõ nghĩa pháp

giới nhất tướng.

Nói tánh hữu vi vốn không là nói tánh chân, thật chính là nêu tông chọn pháp, chung cho cả lượng chuyển thứ hai ở dưới. Nghĩa là nói về đệ nhất nghĩa đế Trung đạo nhất chân nên lập lượng rằng: Chân tánh hữu vi vốn chẳng thật có, vì từ duyên giống như việc hư huyền. Chân tánh vô vi xưa nay chẳng thật có, vì không sinh diệt, như hoa đốm trong hư không. Bởi vậy, ba chi trong hai lượng thức này không thiếu, nêu ra lựa chọn rõ ràng, không có các lỗi. Trong luận Chưởng Trân chấp cho là khéo lập ra, trong lượng thức thứ hai, nêu ra Nhân trước Tông sau, người dịch lại nói cũng không sai, nghĩa này đã bày rõ. Nhất chân bình đẳng không có các sự đối đãi chân vọng, nhiễm tịnh, sinh tử, Niết-bàn, phàm Thánh, Chư Phật đều như hoa đốm loạn khởi loạn diệt. Nên văn dưới nói: Tất cả thế giới núi sông, đất đai, sinh tử, Niết-bàn đều là tướng trạng cuồng loạn điên đảo. Cho nên Trung Luận nói: Nếu pháp là đối đãi mà thành, thì pháp đó lại thành đối đãi. Nay thì không có nhân đối đãi, cũng không có pháp để thành, nói lên trong Đệ nhất nghĩa đế này, lia tất cả tướng, nói năng, đoạn diệt chỗ tâm hành, vô minh pháp chấp ngay đây cùng tận.

- *Hiển bày lỗi so sánh để bác bỏ:*

Nói vọng để bày chân, vọng chân đều là vọng, vẫn chẳng chân, phi chân, đâu có kiến sở kiến?

Hai câu đầu lại bày lỗi trước, vì hữu vi, vô vi là đối đãi, cũng là bác bỏ chấp chân tánh là có, lại đồng với luống dối, người mê hoặc bàn luận rằng: Đối với chân tánh tuy mất hữu vi, vô vi, nhưng chân tánh này lẽ ra có sở đắc, đây là điều Phật chứng, xa lia các tà ngụy luống dối, nên gọi là chân. Tánh các pháp đó rốt rỏ ra là có, nên ở đây rằng: Nếu nói có chân tánh do lia vọng hiển bày thì lại đồng với pháp vọng, cả hai đều là vọng. Vì đây là cảnh biến chấp sở duyên, chân lia vọng, lại nhân vọng mà hiển bày, như văn trước nói: Tâm Bồ-đề sinh, tâm sinh diệt diệt, ở đây cũng sanh diệt.

Luận Khởi Tín nói: Nói chân như, cũng không có tướng, nghĩa là cùng cực của lời nói, là nhân lời nói mà điều khiển lời nói, thể của chân như này không thể sai khiến, vì tất cả pháp đều là chân, cũng không thể lập, vì tất cả pháp đều như nhau. Nên biết tất cả pháp không thể nói, năng, không thể suy nghĩ, bàn luận, cho nên gọi là chân như. Nên biết, nếu có chân như làm sở đắc đều là vọng, cho nên nói vọng chân đều là vọng.

Hai câu vẫn chẳng chân, phi chân v.v... là so sánh bác bỏ chấp

vọng, câu đầu thuộc về sở phi ở trước, vẫn còn vô chân và bất chân. Bất chân tức là vọng.

Câu kế là so sánh đúng: Làm sao còn năng kiến, sở kiến? Căn và thức đều gọi là kiến, sở kiến tức là cảnh, ở đây phá chung cả hai tâm chân và vọng, các pháp đối đãi đều không có gì, mới gọi là hiển bày pháp giới thanh tịnh, nhất chân bình đẳng.

Hai câu tụng trên đây, chính là tụng căn trần đồng nguồn ở trước. Bổn nguyên tự tánh vẫn chẳng phải chân và vọng, đâu được có trong ba pháp căn, trần, thức, cho nên căn, cảnh, thức đồng với nhất nguyên này.

Hai câu tụng nói về gút và mở đồng thể:

Trong đó chẳng thật tánh, cho nên như bó lau, tụng căn trần trước, kích phát, nhìn thấy lẫn nhau, vô tánh như bó lau.

Cột mở đồng sở nhân, phàm Thánh không hai đường, tụng mở gút trước cũng là một. Phàm phu trong sáu đường bị nghiệp mê hoặc trói buộc không được tự tại, nên gọi là Buộc.

Hiền Thánh ba thừa dứt hoặc chứng lý không bị nghiệp ràng buộc. Đó gọi là mở. Ở đây đều do sáu căn dẫn đến mê hoặc ngộ. Chẳng còn có lối rẽ khác, nên nói không hai đường.

Ông xem tánh giao nhau, không và hữu đều phi, trong sự xen nhau vô tánh, dùng cái gì khiến có mà lại còn vô, trong một tánh không có đối đãi.

Triệu Công nói: Hữu đã vô thì không cũng vô, đây là nói ngay Trung đạo của căn trần, cũng là nghĩa đồng nguồn của căn trần ở trên.

Mê muội tức vô minh, phát minh liền giải thoát, văn tụng tri kiến chấp tri kiến ở trước v.v... là mê căn chấp cảnh, chẳng rõ tánh không vọng chấp là có, tức là vô minh.

Rõ tánh là không tánh chân, vọng như một, ba pháp căn, cảnh, thức không thể nào trói buộc, đó gọi là giải thoát. Đây là Niết-bàn chân tịnh vô lậu

Một bài tụng làm sinh khởi văn dưới:

Mở gút mở thứ lớp, sáu mở một cũng mất, làm sinh sự nghi ngờ sáu mở một mất.

Nhờ thứ lớp là: Văn dưới chép: Căn này ban đầu giải thích trước được nhân không. Tánh không, tròn sáng, thành tựu pháp giải thoát. Pháp giải thoát đã chẳng phải không bất sinh. (Tám trăm chín mươi ba) gọi là Bồ-tát từ Tam-ma-địa được Vô sinh nhẫn. Một cũng mất: nghĩa là Văn dưới nói: Ngày nay nếu Đức Như-lai giải trừ chung, nếu kết không

sinh thì không có kia đây, còn không gọi là một, sáu làm sao thành.

Căn chọn lựa viên thông, nhập lưu thành Chánh giác, làm sinh khởi văn dưới viên thông, tu chứng, liền chấp vào Quán Âm thanh theo môn nhĩ căn mà nhập vào Tam-ma-địa. Ngài Văn-thù đã chọn, có thể cùng ngài A-nan và mọi người ở cõi này nhập lưu thành Chánh giác.

Một bài tụng về vô minh tập khí:

Thức Đà-na nhỏ nhiệm, tập khí thành dòng thác, A-đà-na Hán dịch chấp trì, là thức thứ tám, vì hạt giống năng chấp trì mà khởi lên hiện hành, thức thứ tám có nhiều tên, tên này là thông dụng nhất, trong địa vị thứ ba là địa vị nối nhau chấp trì huân tập hạt giống vô minh không dứt.

Như dòng thác, nước chảy xiết không dứt, cảnh giới sâu kín chỉ có Phật mới biết. Cho nên Luận Khởi Tín nói: Thức do vô minh huân tập sinh khởi phàm phu không thể biết, trí tuệ của hàng Nhị Thừa cũng không thể biết. Nghĩa là nương vào Bồ-tát từ chánh tín ban đầu mà phát tâm quán sát. Nếu chứng được pháp thân, được chút hiểu biết, cho đến ở địa vị rốt ráo của Bồ-tát cũng không thể biết hết, chỉ có Phật mới biết tận cùng. Sợ chấp chân phi chân, nên ta không giảng nói. Nghĩa là thể của thức này chỉ có chân thì không thể lập, chỉ có vọng thì không thể thành, chân vọng hòa hợp lại mới có hành vi. Luận Khởi Tín nói: Nghĩa bất sinh diệt và sinh diệt hòa hợp lại chẳng phải một, chẳng phải khác. Đó là thức A-lại-da.

Nếu nói tức chân thì vọng tập làm sao hết được. Phàm phu ngoại đạo sinh khởi thường chấp là chân ngã. Nếu nói là vọng, sợ bác bỏ cho là đoạn diệt. Vì chân pháp không diệt, cho nên nói với tạng giáo của Tiểu thừa và quyền giáo Đại thừa không nói thức thứ tám.

Kinh Thâm Mật nói: thức A-đà-na rất sâu kín, tất cả hạt giống thành giòng thác. Ta không giảng cho kẻ phàm ngu nghe, sợ họ phân biệt chấp cho là ngã. Văn trước ý hiển bày, ba pháp căn, cảnh, thức và sáu thứ ràng buộc ở trước, đều do thức này huân tập biến hiện ra. Chấp chân chấp vọng thấy có thấy không, chỉ có hình bóng của thức này, cho đến Bồ-tát Thập địa được thấy thân Phật, thấy nghiệp thức ở trên. Nếu Đức Như-lai đã là nghiệp thức thì không thấy tướng mình và người.

Như Luận Khởi Tín nói: Như thế hiển ngay sự đã xa lìa câu sinh vô minh.

Một bài tụng, một câu làm cho huyễn thành chẳng phải huyễn, tâm chấp tự tâm, phi huyễn thành pháp huyễn, tất cả các pháp

chỉ do thức biến hiện, cho nên nói đều do tự tâm. Sáu bất liễu ở trước, cái thấy từ bên ngoài đến, chấp lấy mà phân biệt. Nên Luận Khởi Tín nói: ba cõi luống dối chỉ do tâm tạo ra, lia tâm thì không có cảnh giới sáu trần, vì tất cả pháp đều từ tâm niệm vọng khởi mà sinh ra. Phân biệt tất cả tức là phân biệt tự tâm, nên nói là tự tâm chấp tự tâm. Nếu dùng diệu tánh viên minh lia các danh tướng, xưa nay không có thế giới, chúng sinh, thì gọi là phi huyễn. Do vọng thấy chớ sinh ra tướng giác minh hiển hiện. Bốn đại chia ra nhiều thứ, căn trần hình thành, cho nên nói thành pháp huyễn. Nhưng nói là huyễn: Vì mỗi pháp đều chẳng có tự tánh. Chẳng chấp thì đều là huyễn, phi huyễn còn chẳng sinh, pháp huyễn làm sao lập? Phân biệt bất sinh, dứt bờ mé trước sau, chân còn không có, vọng lập ở đâu? Cho nên đối với tánh chân thường cầu mê ngộ, đến đi, sinh tử, hoàn toàn không thật có, cho nên Nhất tướng bình đẳng. Mê, ngộ đều mất, sinh tử Niết-bàn như giấc mộng đêm qua. Nên Tăng Triệu nói: Hễ chẳng còn, thì không quán pháp, có thể gọi là thấy tướng thật các pháp.

Một bài tụng ba câu khen ngợi pháp làm cho vui mừng:

Đó gọi là Diệu Liên Hoa, quán tánh bình đẳng này, có công năng phá trừ vô minh, khai tri kiến Phật. Tánh tri kiến này, chỗ vọng thường chân, ở chỗ nhiễm mà không bị dơ bẩn, nay được hiện phát như hoa sen nở ra trên mặt nước, nên lấy đó làm ví dụ.

Kim Cương Vương Bảo Giác: Vô minh bền chắc, rất khó hủy hoại, một niệm phá được, định lực kim cương, định này rất cao siêu, không thể nào vượt qua, đối với pháp tự tại, thật đáng quý trọng, như ngọc Ma-ni tùy theo ý muốn sinh ra quả Vô thượng giác, gọi là Vương Bảo Giác.

Tam-ma-địa như huyễn: Ở đây quán hiện tiền, biết rõ tất cả pháp đều như huyễn hóa, như gương sáng hiện các sắc tượng, thể tánh mỗi sắc tượng chẳng thật có, đồng một gương sáng, chẳng tức chẳng lia, Tam-ma-đề, Hán dịch là chánh thọ, nghĩa là không thọ các thọ.

Búng tay vượt Vô học: Ở đây hiển rõ sự nhanh chóng đạt đến Đại giác, cho nên một niệm không sinh gọi là Phật, vượt qua lời nói địa vị số kiếp, như văn trước nói: dứt bật tức Bồ-đề.

Kinh Viên Giác cũng nói: Lìa huyễn tức giác, cũng không có thứ lớp, đều là nghĩa này. Nhưng đến lúc giác ngộ cũng không phải quả của mình để làm sở đắc, nên gọi là Siêu Vô học, cũng y theo nhanh chậm để so sánh, cho nên nói là siêu, chẳng phải đều vượt qua địa vị, thẳng đến bậc Vô Thượng giác.

A-tỳ-đạt-ma này: Chư Phật ở mười phương, chỉ một đường Niết-bàn. A-tỳ-đạt-ma, Hán dịch vô Tỷ pháp, chỉ có Tam-muội này, cũng gọi Đối pháp, tức dùng đại tuệ bình đẳng của Đại thừa hướng về Nhất chân pháp giới. Thế dụng hiển hiện, lý trí như một, nên gọi là Đối pháp. Bạc-già phạm nói đủ có sáu nghĩa, đó là: Tự tại, xí thành, đoan nghiêm, danh xưng, cát tường và tôn quý. Chư Phật mười phương chứng được quả mẫu nhiệm Bồ-đề Niết-bàn, chỉ có con đường này, có khả năng thông suốt đến bờ kia, nên gọi là Môn. Do lời thỉnh trước nói phải từ cửa để vào, nên chỉ bày Kim Cương Tam-muội này, mới được nhập môn.

Nghi sáu mở một mắt, có hai:

1. Nghi quyết định thỉnh, có hai:

a) Kể lại niềm vui đã nghe:

Lúc bấy giờ, A-nan và đại chúng nghe lời dạy vô thượng và bài tụng tinh túy nói về lý mẫu sáng suốt của Phật rồi, tâm được sáng tỏ, khen ngợi là pháp chưa từng có, văn năng thuyên: Giữa bốn câu và ứng tụng xen câu từ tuyệt diệu. Lý sở thuyên rõ ràng thấu suốt, sáng sửa rất dễ thấy, nên làm cho tâm khai ngộ như tấm gương trước mặt.

b) Trình bày ý nghi ngờ:

A-nan chấp tay bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn, nay con dấu nghe tán thán đại từ, lời lẽ chân thật mẫu nhiệm trong sáng của Phật, nhưng tâm con vẫn chưa rõ nghĩa “sáu mở một mắt”, về thứ lớp của nghĩa ấy, xin Phật rủ lòng từ bi thương xót cả hội này và chúng sinh đời tương lai, mà bố thí pháp âm, gội sạch bụi trần. Vâng theo lời bài kệ trước nói, nguyên nhân thứ tư “sáu mở một cũng mắt” về mở gút. Ý ngài A-nan nghi ngờ, văn trước đã nói, căn trần cùng nguồn, buộc mở không hai, mê mờ là vô minh, phát minh là giải thoát, đây là buộc không có thứ lớp, mở cũng không theo thứ lớp. Nếu sáu căn mất đi một thì giác lẽ ra hiển bày. Vì sao lại nói: buộc mở do thứ lớp, sáu mở một mắt, bởi vậy, nói tâm vẫn chưa rõ, xin Đức Phật rủ lòng thương xót rửa sạch bụi nhỏ.

2. Nêu ra việc nói rộng, có ba:

a) Lại nói về nhân khởi kết, có hai:

a.1) Nêu việc, có hai:

Hỏi đáp về tên kết, có hai:

* Hỏi về cột gút, có hai:

- Trước hỏi về cột gút:

Bấy giờ, Như-lai ngồi trên tòa sư tử, sửa lại Niết-bàn tăng, kéo lại tăng-già-lê, xoay mình trên chiếc ghế bảy báu, tay đặt trên ghế, dùng chiếc khăn bông kiếp-Ba-La do cõi trời cúng dường (tám trăm chín

mười bốn) ở trước đại chúng thất một cái gút rồi bảo A-nan: Đây là cái gì? A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: Đây gọi là gút. Niết-bàn-tăng là: Áo trong, Tăng-già-lê là: Đại y. Kiếp-ba gọi là Thời phần, khăn này được người cõi trời cúng dường, chưa rõ duyên khởi.

- Lại gút lại hỏi:

Bây giờ, Đức Như-lai lại thất thêm một cái gút trên chiếc khăn bông nữa, lại hỏi A-nan. Đây gọi là gì?

A-nan và đại chúng lại thưa: Đây cũng gọi là gút.

Đức Phật lần lượt gút trên chiếc khăn bông thành sáu gút, mỗi khi thất xong một gút, đều hỏi A-nan về cái gút vừa thất xong: Đây gọi là gì?

A-nan và đại chúng cũng tuần tự trả lời rằng: Đây gọi là cái gút, như văn kinh chép.

Y theo thể để hỏi tên:

Phật bảo A-nan: Khi ta mới thất cái khăn thì ông gọi là thất gút, chiếc khăn bông này vốn chỉ có một, lần thứ hai, lần thứ ba các ông cũng gọi là thất?

A-nan bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn: chiếc khăn bấu này do dệt mà thành, tuy vốn là một thể, nhưng con nghĩ rằng: Như-lai thất một lần thì gọi là một gút, nếu thất đến trăm lần thì phải gọi trăm cái gút, huống chi khăn này chỉ có sáu gút, không đến bảy gút, cũng không dừng ở năm gút.

Vì sao Như-lai chỉ cho cái gút đầu tiên được gọi là gút, còn cái thứ hai, thứ ba thì chẳng gọi là gút. Khăn dụ cho chân tánh, gút dụ cho sáu căn, bèn gút mà hỏi. Tướng do vọng phân biệt, làm cho căn vốn là một niệm vọng kết sinh ra sáu căn, trong cái không có đồng khác nhưng phút chốc thành khác, nên mỗi gút đều gọi là gút.

b) Giải thích về đồng và khác, có hai:

b.1) Hỏi đáp:

Phật bảo A-nan: Thật ra chiếc khăn hoa bấu này, ông biết khăn này vốn chỉ là một, khi ta thất sáu lần thì gọi là gút. Ông hãy nhìn kỹ, thể của khăn là đồng, do thất mà thành khác, ý ông thế nào? Cái gút đầu tiên gọi là gút thứ nhất, như thế cho đến gút thứ sáu sinh ra. Nay ta muốn đem gút thứ sáu làm gút thứ nhất được không?

A-nan trả lời: Bạch Đức Thế tôn, không thể được, sáu gút còn thì gút thứ sáu này rất ráo chẳng gọi là gút thứ nhất được, dẫu cho con dùng hết biện tài nhiều kiếp để làm sáng tỏ nghĩa lý, chẳng thế nào làm cho sáu gút lộn tên được. Thể tuy là một, vọng gút thành sáu căn, đã thành

căn rồi, sáu thứ danh tướng theo tâm chấp đắm không thể dời đổi, cho nên nói không thể gọi lộn tên được

b.2) Ấn thành:

Phật bảo: Đúng thế, sáu gút khác nhau, y theo nguyên bản nhân, chỉ do một khăn tạo ra, làm cho lộn lộn chẳng bao giờ được thành, như văn kinh chép.

c) Hợp hiển:

Cho nên sáu căn của ông cũng như vậy, trong rốt ráo đồng sinh ra rốt ráo khác, tâm mê chấp cảnh, không khác cũng thành khác, cho nên vẫn dưới nói: Vốn nương vào một phần tinh minh chia thành sáu hòa hợp, tức là nghĩa này.

Chỉ thẳng sáu mở một mắt, có hai:

1. Y theo việc để hỏi đáp:

Phật bảo A-nan: Ông hẳn sợ sáu gút này không thành mà mong muốn thành một, thì làm sao được?

A-nan thưa: nếu gút này còn, thì đúng sai móng khởi, trong đó tự sinh gút này chẳng phải gút kia, gút kia chẳng phải gút này. Hôm nay Như-lai giải tỏa tất cả, nếu gút chẳng sinh thì không có kia đây, còn có một tên thì làm sao thành sáu.

Trong đây nhà phiên dịch góp nhặt thiếu, nên nói: Muốn được không thành, mong thành một thì làm sao được?

Ý Phật nói: Ý ông sợ rằng sáu căn này vọng ngăn cách, muốn thành một thể, có cách nào mới thành một thể được?

Ý đáp: Nếu mở sáu căn cũng không thành một, dùng một đối sáu mà lập ra, nếu sáu căn chẳng sinh thì không có đối lập, cho nên không có một nghĩa.

2. Nêu ví dụ để giải thích thành tựu:

Phật nói nghĩa “sáu mở một mắt” cũng như vậy, do tâm tánh ông từ vô thủy cuồng loạn, vọng phát trí kiến, phát vọng không dứt, nhìn lâu mỗi một cái thấy phát ra cảnh trần, khi mắt nhìn mỗi thì có hóa đốm lăng xăng, trong sự vắng lặng tinh minh, không có nguyên nhân thế gian núi sông, đất đai loại khởi, sinh tử Niết-bàn đều là hoa đốm điên đảo mỗi một cuồng loạn sinh ra, tâm tánh phát cuồng loạn, vọng ngăn cách sự thấy, nghe, ba pháp căn, cảnh, thức đều hiện ra cùng lúc. Sinh tử là sáu, Niết-bàn là một, do đối đãi mà thành, vốn không thật có. Nên như tướng hoa đốm luống đối một mỗi sinh ra. Vì ba thứ thế gian gọi là tất cả cõi Phật, cõi chúng sinh, tất cả cảnh giới đều chẳng lìa ở đây, như thế vì khởi lên vọng niệm phân biệt, vì lìa tâm thì không có sáu

trần cảnh.

Lại nói về thứ lớp mở gút, có hai:

1. Chỉ bày nguyên nhân mở, có ba:

a) Chọn sai bày đúng, có hai:

- Hai bên đều sai.

A-nan hỏi: Cái mỗi một này đồng với cái gút kia làm sao mở được? Như-lai dùng tay kéo lệch chiếc khăn đã thắt gút về bên trái, rồi hỏi A-nan: Như thế này có mở được chăng?

A-nan đáp: Bạch Thế tôn, không được.

Phật lại dùng tay kéo lệch về bên phải hỏi A-nan: Thế này có mở được chăng?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, không mở được.

Nếu người chấp căn này có thật thể, thì rơi vào chấp thường. Nếu cho rằng những thứ đó đều không, tạo thành chấp không một cách sai lầm, Chư Phật chẳng giáo hóa được, thì khởi chấp cố như núi Tu-di, chẳng khởi lên chấp không dù nhỏ như hạt cải, vì rơi vào chấp đoạn, đã có tướng bên trái thì bên phải rơi vào cửa không, chẳng có hai bên, đều không thấy tánh. Gốc vô minh đã cột làm sao mở? Nên bài kệ trước nói: Ông quán tánh bó lau, không hữu cả hai đều sai, cho nên nói hai bên không thể làm cho giải thoát, hai tâm giữa mới là đúng.

Phật bảo A-nan: Nay ta dùng tay kéo mối về hai bên mà chẳng mở được. Vậy, ông có cách nào mở được chăng?

A-nan bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn, phải mở ở tâm buộc mới mở được.

Phật bảo A-nan: Đúng thế! Đúng thế! Nếu muốn mở gút thì phải kết tâm, ý nói hai bên không hữu đã không thể mở được, phải là Trung đạo, quán chiếu chân chánh, gốc kiết từ vô thỉ chẳng phải có, chẳng phải không, không khác mà khác, thấy toàn bộ pháp tánh vô minh, dứt tất cả vô minh pháp tánh không dứt mà dứt, chẳng dứt mà chứng mới mở được.

b) Chỉ bày nhân duyên chân thật, có hai:

b.1) Hiện hiện ý nói này:

Này A-nan! Ta nói Phật pháp từ nhân duyên sinh, chẳng phải dùng tướng thô hòa hợp của thế gian, biết rõ được nhân gốc của nó theo duyên gì sinh ra chính. Quán Trung đạo Tam-muội Như huyễn, có thể mở cái gút cội gốc vô minh từ vô thỉ, có khả năng ở trong thời gian búng ngón tay mà vượt lên chứng bậc Vô học, hay không có chỗ khởi lên dụng không thể suy nghĩ bàn luận. Đây gọi là Phật pháp từ nhân duyên

sinh, hòa đồng với tướng thô mà thế gian nói. Vì Đức Phật dứt hẳn hết vô minh, được Nhất-thiết-chủng-trí, nên biết được nguyên nhân mở gút này chẳng phải cảnh giới khác.

b.2) Chỉ bày riêng về sở tri:

Như thế cho đến giọt mưa ở ngoài hàng sa thế giới cũng biết được số, trước mắt các thứ thông thẳng, gai cong, cò trắng, quạ đen v.v... đều rõ lý do, tất cả các cảnh giới sắc tâm, tịnh nhiễm của thế gian đều nương vào vô minh mà được trụ trì. Nay vô minh đã biến thành minh, minh là trí Nhất thiết chủng. Đức Phật đã chứng được tất cả cảnh giới, điều đó có gì là khó hiểu, bởi vậy sẽ rõ được lý do.

c) Nêu chung lợi ích của mở:

Bởi vậy A-nan! Trong tâm ông chọn lựa sáu căn, nếu gốc căn dứt được thì tướng trần tự dứt, vọng tướng liền tiêu, không chân thật làm sao đối đãi?

Vấn trên nói: Nếu ngay đây ngộ được căn Viên thông, trái với vọng nghiệp trôi lăn diệt vô thủ kia kết hợp nên, lần lượt được viên thông (tám trăm chín mươi lăm) ngày càng gấp bội với căn không viên thông, chỉ vì kẻ thấp hèn như ông chưa có khả năng đối với trí tuệ tự tại tròn đầy, nên ta mới giảng nói, giúp cho ông chỉ cần thâm nhập một môn, thâm nhập một môn rồi thì chẳng vọng phân biệt nguồn gốc của sáu căn kia thanh tịnh cùng một lúc, cho nên nói chưa chọn.

Vấn ở dưới nói: Thấy nghe như mất nhậm, ba cõi như hoa đốm trong hư không, nghe lại thì căn trừ, trần tiêu giác vắng lặng, nên các vọng tiêu mất chẳng phải chân thật làm sao đối đãi.

2. Nói thứ lớp, có hai:

a) Y theo việc mà hỏi đáp:

A-nan: nay ta hỏi ông, cái khăn sáu gút của cõi trời kiếp-ba-la này hiện tiền một lúc mở ra có được cùng lúc tiêu trừ hay không?

A-nan đáp: Bạch Đức Thế tôn, không được.

Kết này khi thắt có thứ lớp, nay mở cũng phải theo thứ lớp, sáu gút đồng thể, nhưng gút chẳng đồng một lúc thì làm sao cột mở đồng một lúc? Nên nói làm sao đồng tiêu trừ. Điều này nói lên sáu căn không thể mở cùng lúc, nhưng phải từ cửa một căn, liền được sáu căn giải thoát, chẳng phải sáu căn đối nhau thành thứ lớp, chỉ hợp lại quán xét rõ thì nghĩa tự sáng tỏ.

b) Y theo pháp, hợp lại hiển bày:

Phật nói: Mở bỏ sáu căn cũng như vậy, căn này mới mở thì trước được người không, tánh không tròn sáng thì thành pháp giải thoát,

pháp giải thoát thành tựu, cả hai đều chẳng phải sinh, ấy gọi là Bồ-tát từ Tam-ma-địa được pháp Vô sinh nhẫn. Đây chính là nói thứ lớp.

Như văn ở dưới nói: Đầu tiên ở trong cái nghe vào dòng quên sở, sở nhập đã vắng lặng thì hai tướng động tĩnh rõ ràng, chẳng sinh. Như vậy, lần lần tăng lên, cái nghe và cái được nghe cùng tận. Như thế căn này vừa mở trước liền được người không, nghe tận không trụ, giác là giác không, ngay đó thành pháp giải thoát, không giác cực tròn đầy thì không, sở không diệt, tức đều không bất sinh, sinh diệt đã diệt, vắng lặng hiện tiền, liền được Vô Sinh nhẫn.

Kinh Duy-ma nói: Lại bệnh này khởi lên đều do chấp ngã, vì thế đối với ngã không nên sinh tâm mê đắm, biết được gốc bệnh thì liền trừ được ngã tướng, pháp tướng sẽ khởi lên, nên nghĩ rằng: Chỉ vì các pháp hợp thành thân này, khởi chỉ có pháp khởi, diệt chỉ có pháp diệt, nên nghĩ rằng: Pháp tướng này chính là điên đảo, ta nên xa lìa, làm sao xa lìa được?

Nghĩa là không nghĩ nhớ các pháp trong ngoài, thực hành bình đẳng, nghĩa là ta bình đẳng với Niết-bàn v.v... Vì sao? Vì ta và Niết-bàn cả hai đều không, cho đến được bình đẳng này chỉ có bệnh không, bệnh không cũng không, cho nên thành tựu ngay ở thân, thực hành ba môn quán không. Nên theo thứ lớp quán xét và thứ lớp lìa.

Kinh này chỉ nhập vào một căn, tự nhiên chấp thô, trước dứt thứ lớp chứng đắc, quán hành tuy có khác, nhưng đắc thì đồng, chính là y cứ theo pháp quán viên đốn, nhưng từ nơi một căn mà vào chẳng phải y theo sáu căn đốn giải.

Cho nên nói thứ lớp, không đồng với thứ lớp tiệm thứ là nói theo độn căn.

Các giải thích v.v... không thể trình bày đủ.

Dẫn rộng về tu chứng, có bốn.

1. A-nan thưa hỏi về căn Viên thông, có bốn:

a) Trình bày sự nghi ngờ:

A-nan và cái đại chúng, nhờ Phật chỉ bày tuệ giác viên thông, chẳng còn nghi ngờ bên cùng nhau chấp tay, đánh lễ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, nay chúng con thâm tâm rõ ràng vô ngại, dấu ngộ được nghĩa “một sáu đều mất”, nhưng con chưa thấy được căn bản của viên thông, tuệ giác Viên thông nhờ đó được chỉ bày, nguồn gốc lối vào chưa được sáng suốt. Cho nên hôm nay lại mong được hiểu thấu suốt.

b) Thuật lại còn đang mê được gặp Phật:

Bạch Đức Thế tôn chúng con bị trôi lăn, lẻ loi từ nhiều kiếp, ngờ

đâu lại được làm đệ tử Phật, như đứa con khát sữa bỗng được gặp mẹ hiền. Trái với sự hiểu biết, hợp với trần cảnh gọi là lẽ loi, trôi nổi trong sáu đường gọi là trôi lăn, bỗng nhiên gặp được Phật làm em họ Phật, gọi là dự vào thiên luân do sự gặp gỡ này, như con được gặp mẹ, pháp thân được lâu dài.

c) Tổng kết hiển bày lợi ích:

Nếu nhân cơ hội này mà thành đạo, được mật ngữ của Phật đồng với bốn ngộ của con, thì chẳng khác gì người chưa nghe. Lúc gặp tức là hội ngộ, lúc gặp là gặp Phật, mới biết hòa hợp với mình, hoặc không hề mê mờ nên gọi là bốn ngộ, giác ngộ. Đã không hề mê, chỉ là một cái biết. Sao lại có sự khác nhau về thấy, nghe? Cho nên nói chẳng có gì khác với người chưa nghe. Ở đây lược nêu nhĩ căn trong sáu căn. Điều A-nan đã thỉnh, ý ở căn này, xin Phật chỉ bày rõ về cơ yếu mẫu nhiệm đó.

Như-lai biết điều mẫu nhiệm, ngài bèn dạy đại chúng mỗi người nói về sở ngộ của mình. Ngài Quán Âm và Văn-thù nhân cơ yếu thuật lại, vì cảm ứng mà cứu giúp cho chúng sinh, hóa đạo được thành tựu, đối với ngày nay nhận và ban, đâu được quên gốc?

d) Xin chỉ bày pháp môn:

Cúi xin Phật rủ lòng thương xót ban sự bí mật, trang nghiêm cho con, để con thành tựu được lời chỉ dạy cuối cùng của Như-lai. Nói xong, nắm vốc gieo sát đất thối tạng bí cơ, mong Phật thâm trao. Bí là mật, diệu là nghiêm là định Thủ-lăng-nghiêm, chỉ bày cuối cùng tức là nơi cuối cùng. Nghĩ đến yếu cơ mẫu nhiệm tinh tế, vắng lặng bất động, đó gọi là Thối tạng, tức muốn đem vắng lặng trở về với sự luống dối, sinh diệt kia để điều phục cái biết đầu tiên, cho nên mong Phật thâm trao.

2. *Đức Như-lai hỏi các Thánh chúng:*

Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn bảo khắp các vị đại Bồ-tát và các vị Đại A-la-hán vô lậu ở trong đại chúng rằng: Các thầy là Bồ-tát và A-la-hán, sinh vào trong pháp ta, đã chứng quả Vô học. Nay ta hỏi các thầy, lúc mới phát tâm, ngộ mười tám giới, thì ai được viên thông, từ phương tiện gì được nhập vào Tam-ma-địa?

Từ miệng vàng của Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh được phần pháp của Phật, gọi là sinh vào pháp của ta. Phía dưới tuy có hai mươi lăm môn, các bậc Thánh vào đạo nhiếp chung chẳng lìa mười tám giới, cho nên nêu ra để hỏi, giúp cho mỗi vị tự kể lại.

3. *Các bậc Thánh đều nói pháp môn tu chứng, có năm:*

a) Bỏ trần theo giác để chứng, có sáu:

Kiều-trần-như: có ba: a.1.1)

Gặp Phật được ngộ:

Năm anh em Kiều-trần-như, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Lúc con ở vườn nai và vườn gà, quán thấy lúc Như-lai mới thành đạo, đầu tiên do âm thanh Phật mà con ngộ Bốn Thánh đế. Kiều-Trần-Na là họ, Hán dịch là Hỏa Khí, trước kia thờ lửa, là từ dòng tộc này.

Năm Tỳ-kheo: Ban đầu Phật bỏ nước vào núi tu đạo, Vua Tịnh Phạn sai ba vị trong dòng tộc là A-Thấp-bà, Bạt-đề, Ma-ha-nam Câu-lợi và hai người cậu (em của mẹ) là Kiều-trần-na và Thập Lực Ca-diếp.

Vua ra lệnh cho họ đi theo bảo vệ Thái tử, năm vị vâng lệnh, về sau đều bỏ đi tu, ở trong vườn nai cùng tu đạo khác. Khi Đức Như-lai đã đắc quả ngài suy nghĩ xem nên độ người nào trước. Phật lại nhớ đến năm vị này trước kia đã từng bảo vệ, che chở ngài, liền đến xoay bánh xe pháp ba lần để độ họ.

Đức Như-lai hỏi: Các thầy hiểu không?

Trần-na trả lời trước: Dạ đã hiểu đã biết, các vị trời ở trên hư không cũng nói hiểu, nên Phật ban cho họ tên là A-nhã-đa. A-nhã-đa, Hán dịch là Giải, hoặc dịch là đã biết. Vườn gà là tên một ngôi Tinh xá.

Trình bày về yếu chỉ giác ngộ:

Phật hỏi các Tỳ-kheo, con là người ngộ giải đầu tiên, nên Như-lai ấn chứng cho con tên là A-nhã-đa, được diệu âm mật viên, nhờ âm thanh mà con đắc quả A-la-hán. Dầu ngộ được bốn Thánh đế, lại hiểu rõ âm thanh vốn thường sâu kín mật viên đầy đủ, không hề sinh diệt, chỉ một tánh giác. Ở đây rõ được tánh rỗng không của âm thanh, chỉ cho Như-lai tặng, cho gọi là Diệu Âm Mật Viên.

Pháp môn viên thông mà kinh này nói, chỉ chấp vào thật chứng thì không thể y theo tướng mà giải thoát. Văn dưới nói: Đức Như-lai dạy ngài Văn-thù rằng:

(Năm trăm chín mươi sáu) Hai mươi lăm vị Vô học đều nói tu tập viên thông chân thật, họ đều tu hành, thật ra chẳng có hơn kém, trước sau khác nhau. Nên biết văn này chính là nhập vào pháp môn Âm thanh tuệ, hiểu rõ thật tướng của âm thanh.

Kết những điều đã hỏi:

Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con thì âm thanh là hơn cả, như văn nói:

Ưu-Ba-Ni-sa-đà, có ba:

Gặp Phật hiển ngộ:

Ưu-Ba-Ni-sa-đà liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, con cũng được nghe lời dạy của Phật khi mới thành đạo, con quán tướng bất tịnh, sinh tâm nhàm chán, ngộ được các tánh sắc: Cũng gọi Ưu-ba-ni-sát-đàm, Hán dịch là Cận Thiểu, hoặc dịch là Trần Tánh. Nghĩa cát bụi là phần gần với sắc, do quán xương trắng bất tịnh, rồi thành cát bụi, nên dùng đó để đặt tên. Do năng về tham dục, bởi thế ở đây quán xét để đối trị. Lại hiểu rõ sắc trần vốn là Như-lai tạng, cho nên nói ngộ được tánh các sắc.

Trình bày về yếu chỉ giác ngộ, có hai:

- *Quán thành đắc đạo:*

Từ xương trắng bất tịnh hóa thành cát bụi, rồi cuối cùng trở về với hư không, sắc và không cả hai vốn không thật có, nên thành đạo Vô học. Trước quán tướng bất tịnh, sau nhập vào xương trắng để quán, đều là đối trị tham. Lại nhờ xương cốt, mà nhập vào sắc để rõ không. Lại nhờ không này, thấy được thật tướng của sắc, ngộ được lý Trung đạo, sắc không chỉ có một Thật tánh, cho nên nói: Không và sắc cả hai đều vô.

- *Chỉ lại, giải thích thành tựu:*

Đức Như-lai ấn chứng cho con tên là Ni-sát-đà, sắc trần đã diệt thì điều sắc mật viên. Con từ tướng sắc mà được quả A-la-hán, do ngộ mà được tên, chân thiện diệu sắc, tức là rốt ráo không, Tướng sạch tánh bày, ngộ Như-lai tạng trùm khắp pháp giới. Nên nói Mật viên thành tựu Vô học.

Tổng kết đáp các câu hỏi:

Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, thì sắc tướng là hơn hết.

Đồng tử Hương Nghiêm, có ba:

Thuật lại sự nương vào giáo lý của Đức Thế tôn:

Đồng Tử Hương Nghiêm liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Con nghe Như-lai dạy quán các tướng hữu vi, quán hương ngộ được đạo, được địa vi đồng chân, nên gọi là Đồng tử. Ban đầu Đức Phật dạy chung, quán tướng hữu vi, không đích xác là Hương. Như nói tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt nước, như sương, cũng như ánh chớp, hãy quán chiếu như vậy.

Nương vào giáo lý tu quán, có ba:

* Nêu ra cảnh để quán.

Lúc con từ biệt Đức Thế tôn trở về trai đường tĩnh tọa, thấy các Tỳ-kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương lặng lẽ bay vào mũi con. Con tĩnh tọa trong phòng yên tĩnh, phòng thanh tịnh chính là chỗ gọi rửa tâm. Đó gọi là thanh trai. Ở trong phòng yên tĩnh nghe mùi hương, đó là tướng hữu vi, là cảnh sở quán.

* Chính là Quán sát, có hai:

- Quán hành: Con quán mùi hương này, chẳng phải từ gỗ, chẳng phải từ hư không, chẳng phải khói, chẳng phải lửa, chẳng đi đâu, chẳng từ đâu đến. Gỗ là không, khói, lửa, dùng lý suy cho cùng chẳng phải chỗ nương sinh khởi, đã chẳng từ đâu đến, lại chẳng đi đâu. Vậy, vì sao mùi hương lại xông vào mũi con? Đây là quán sát mùi hương vô sinh.

- Quán lợi ích:

Do đó, ý diệt, phát minh vô lậu. Như-lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm. Hương đã vô sinh, thì do đâu mà phân biệt, đó gọi là ý tiêu diệt, phân biệt chẳng có, năng sở đều mất, chân giác chẳng động, vắng lặng thường khắp, bụi nhơ đã tiêu, tròn sáng thanh tịnh mẫu nhiệm, nên gọi là Hương Nghiêm.

* Lại giải thích thành tự.

Hương trần đã diệt, diệu hương mật viên, con từ mùi hương trang nghiêm mà đắc quả A-la-hán. Tướng đều trở về như, chân hương diệu phát, một niệm chẳng sanh thì chứng Vô học.

Kết đáp lời hỏi:

Dược Vương Dược Thượng, có ba:

Như-lai hỏi về viên thông, như sở chứng của con thì Hương Nghiêm là trên hết.

1. Kể lại nhân duyên đời trước:

Hai vị Pháp Vương Tử là Dược Vương và Dược Thượng cùng với năm trăm vị Phạm Thiên trong hội liên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn! Con làm thầy thuốc ở thế gian từ vô lượng kiếp đến này, trong miệng đã nếm các thứ cỏ cây, vàng đá ở cõi Ta-bà này, số ấy có mười muôn tám ngàn thứ. Như thế đều biết hết các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay v.v...và năng lực hòa hợp câu sinh thay đổi. Đây là lạnh nóng, có độc không độc, thủy đều biết cả, có khả năng làm vị Bồ-tát Bồ xứ. Vì nối tiếp hạt giống Phật không thể bị cắt đứt, nên gọi là Pháp Vương Tử. Năm trăm vị Phạm thiên là quyến thuộc của Pháp Vương Tử, chưa rõ duyên khởi. Vị ấy kể lại xưa kia làm thầy thuốc chữa bệnh cho mọi người, từng nếm thuốc phân biệt vị, phân biệt

tánh dụng đối trị không sai lầm. Xưa kia đã nói về vị trần mầu nhiệm, nay cũng do đây mà phát ngộ.

2. *Được giác ngộ ở kiếp hiện tại: Có hai:*

a) Trình bày về yêu chỉ của ngộ:

Thờ phụng Đức Như-lai, rõ biết tánh của vị, chẳng phải không, chẳng phải có. Không tức là thân tâm, không là lìa thân tâm, do phân biệt nhân của vị, từ đó được khai ngộ, quán nguyên nhân của vị do đâu mà có, không có thân tâm, hoặc tức, hoặc lìa không có chỗ sinh, biết rõ lập tức là quán sát, vì không có chỗ sinh nên trần vị vắng lặng, phân biệt liền dứt, năng sở đều mất, cả hai đều dứt, chỉ có một vị bảo giác thanh tịnh. Cho nên nói từ đây được khai ngộ, liền chứng pháp Vô Sinh nhĩn.

b) Nhờ ấn chứng được lợi ích:

Được Như-lai ấn chứng cho anh em chúng con danh hiệu Bồ-tát Dược Vương và Dược Thượng, nay trong hội này làm Pháp Vương Tử. Chúng con do vị trần mà được giác ngộ, lên bậc Bồ-tát, giác ngộ nhờ hiểu rõ vị thuốc, nên mới ấn chứng tên gọi Dược Vương, Dược Thượng cho những vị này thành Bồ-tát.

Kết luận đáp câu hỏi:

Phật hỏi viên thông, như chỗ chứng của chúng con nhân của vị là hơn hết.

Bạt-Đà-Bà-la, có ba:

1. Gặp Phật hiển ngộ:

Bạt-Đà-Bà-la cùng sáu mươi vị khai sĩ liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Chúng con trước kia ở chỗ Phật Oai Âm Vương nghe pháp xuất gia, đến giờ chúng tắm tẩm, chúng con theo lệ vào phòng tắm, bỗng nhiên ngộ được nhân của nước.

Bạt-đà-bà-la, Hán dịch là Hiền Hộ, kinh Pháp Hoa nói: Phật Oai Âm Vương có hai muôn ức, vị nối nhau ra đời.

Những vị này trước thời Tượng pháp của Phật, là những vị thượng mạn, chê bai Bồ-tát Thường Bất Khinh, do đó mà bị đọa vào địa ngục trải qua ngàn kiếp, lúc tội hết sẽ thoát khỏi địa ngục. Sau đó, gặp Phật Oai Âm Vương xuất gia được giác ngộ. Chúng con theo thứ lớp vào tắm, quán tánh nước hoàn toàn không thật có, không từ nhân sinh ra, cho nên ngộ được nhân của nước.

2. Trình bày về ý chỉ của ngộ, có hai:

- Kể lại lợi ích được ngộ.

Đã không rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên vốn không thật có, tập khí đời trước không quên, cho đến hôm nay theo Phật xuất gia vì sự huân tập đời xưa chẳng quên, khiến đắc quả Vô học. Trần không có tự tánh, vừa sinh liền diệt, thể là huyễn có, tánh tướng vốn không, nước không có sở nhân, an nhiên bất động, cả ba đều vô đắc thì ai làm việc tắm gội. Từ vô thỉ vọng huân tập bỗng nhiên tiêu mất, cho đến ngày nay mới chứng quả Vô học.

- Chỉ bày Lại giải thích thành tựu.

Đức Phật kia đặt tên cho con là Bạt-đà-bà-la, giảng nói về diệu xúc, thành Phật Tử trụ, do đây quán xét xúc trần đã hết, diệu xúc hiện tiền, đắc Vô Sinh Nhẫn, nên gọi là Phật Tử Trụ, vì khéo giữ gìn làm cho luống dối chẳng sinh, khiến giác bất động, gọi là Bạt-Đà-Bà-la.

(Tám trăm chín mươi bảy) 3. Kết luận đáp chung lời hỏi.

Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì nhân xúc là trên hết, nhờ xúc mà ngộ đạo, cho nên gọi là nhân xúc.

Ca-diếp, có ba:

1. Kể lại nhân duyên tốt đẹp, có ba:

a) Việc học nương vào Đức Phật.

Ma-ha Ca-diếp và Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang v.v... đứng dậy khỏi chỗ ngồi đảnh lễ bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Vào kiếp xa xưa ở thế giới Ta-bà này có Phật Nhật Nguyệt Đăng ra đời, con được gần gũi nghe pháp tu học.

Ma-ha Ca-diếp, Hán dịch là họ Đại Âm Quang, tên là Tất-bát-la, là bậc thượng hạnh đầu-đà được đại chúng suy tôn là Vô Thượng.

Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang lúc còn tại gia là vợ, Ma-ha-ca-diếp, duyên khởi như thường, đã được gần gũi nghe pháp tu học với Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng.

b) Vâng theo truyền thừa sau khi Phật diệt độ:

Sau khi Phật diệt độ, con cúng dường xá-lợi, đốt đèn sáng liên tục, lại dùng vàng ròng đắp vẽ hình tượng Phật.

Thất-lợi-la dịch là xương cốt của Như-lai, đốt đèn đắp vàng đều là nguyên nhân làm cho thân vàng ròng chiếu sáng rực rỡ, nhiều kiếp đều như vậy, chẳng phải chỉ có một Đức Phật cho nên được như vậy. Kinh xuất xứ từ nhân duyên khác nhau nhưng đều từ một thuyết.

c) Do nhân cảm quả:

Từ đó đến nay, đời đời kiếp kiếp thân thường đầy đặn, sáng ngời như đồng vàng ròng. Tỳ-kheo-ni Tử Kim Quang v.v... là quyến thuộc của con cùng thời phát tâm khi xưa, như văn kinh có nói.

2. Trình bày về yếu chỉ giác ngộ, có hai:

a) Trình bày quán hạnh:

Con quán sáu trần thế gian biến hoại, chỉ theo pháp vắng lặng, tu định Diệt Tận, thân tâm trải qua trăm ngàn kiếp như búng ngón tay, sáu trần sinh diệt là cảnh, là nhà, là ý. Nay quán pháp này, xưa tự bất sinh nay thì vô diệt. Vì tâm sinh cho nên muôn pháp sinh, vì tâm diệt nên các pháp diệt. Tâm chẳng thấy tâm, chẳng có tướng thật có, năng sở đều vắng lặng, pháp tánh hiện tiền, thân tâm xưa nay bất động. Nên làm cho vượt qua nhiều kiếp như thời gian búng ngón tay.

b) Lại giải thích thành tựu:

Con do quán pháp không, mà đắc quả A-la-hán. Thế tôn khen con tu hạnh đầu-đà bậc nhất, pháp mâu mở sáng, dứt trừ các lậu, pháp trần đã không, pháp mâu giảng nói, nên được vô lậu, thành quả Vô học.

3. Tổng kết trả lời câu hỏi:

Phật hỏi về Viên thông, như chỗ chứng của con thì nhân của pháp là trên hết, sáu vị trên nương vào tâm mà khai ngộ.

